TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: **324**/2019/DS-PT
Ngày: 13/11/2019
V/v: tranh chấp hợp đồng vay tài sản và góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Dũng
Cùng các Thẩm phán: Ông Phạm Kim Của
Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Võ Thị Cẩm Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Ph1 Kha – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 293/2019/TLPT-DS ngày 07/10/2019 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản và góp hụi.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 59/2019/DS-ST ngày 28/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 239/2019/QĐ-PT ngày 14/10/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Nguyễn Thị H, sinh năm 1953.

Địa chỉ: Ấp 3, xã BT, huyện BT, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn:* Nguyễn Hữu Ph, sinh năm 1952.

Địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn BĐ, huyện BĐ, tỉnh Bến Tre.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Nguyễn Thái Ph1, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Ấp BH, thị trấn BĐ, huyện BĐ, tỉnh Bến Tre.

Ông Ph ủy quyền cho anh Ph1 tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền đề ngày 29/7/2019.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn Nguyễn Hữu Ph và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thái Ph1: Luật sư Nguyễn Tấn Đ, sinh năm 1973- Đoàn luật sư tỉnh Bến Tre.

Địa chỉ: Ấp An Hòa, xã An Bình Tây, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

- *Người kháng cáo*: Anh Nguyễn Thái Ph1.

(Bà H, anh Ph1, ông Đ có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung án sơ thẩm;

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: Vợ cH1 ông Nguyễn Hữu Ph và bà Lê Thị Thanh H1 (đã chết) có tham gia các dây hụi do bà Nguyễn Thị H là chủ, cụ thể như sau:

Dây 1: Hụi khởi khui vào ngày 30/8/ 2016 âm lịch, hụi mệnh giá 10.000.000 đồng, tháng khui 01 lần, gồm 26 phần, tháng khui một lần, ông Ph và bà H1 tham gia chơi 01 phần. Phần hụi này ông Ph và bà H1 đã hốt, bà đã giao ông Ph và bà H1 số tiền là 158.600.000 đồng

Dây 2: Hụi khởi khui vào ngày 20/3/ 2017 âm lịch, hụi mệnh giá 10.000.000 đồng, tháng khui 01 lần, gồm 26 phần, tháng khui một lần, ông Ph và bà H1 tham gia chơi 01 phần. Phần hụi này ông Ph và bà H1 đã hốt, bà đã giao ông Ph và bà H1 số tiền là 156.000.000 đồng.

Sau khi hốt hụi, ông Ph và bà H1 đóng 02 phần hụi trên với số tiền là 252.000.000 đồng. Hiện nay hụi đã mãn, ông Ph và bà H1 còn nợ 02 phần hụi trên số tiền là 248.000.000 đồng.

Ngày 30/10/2016 âm lịch, vợ cH1 ông Ph và bà H1 mượn bà số tiền 30.000.000 đồng, thỏa thuận không lãi suất, vay không thời hạn, mục đích vay để bổ sung vốn làm ăn và sinh hoạt gia đình.

Ngày 10/6/2017 âm lịch, vợ cH1 ông Ph và bà H1 mượn bà số tiền 300.000.000 đồng, mục đích để đáo hạn ngân hàng, rồi vay lại sẽ trả hết cho bà, nhưng không trả mà để tiền sửa chữa quán và mua máy karaoke để kinh doanh nhưng không kinh doanh được. Bà H1 có hứa bán đất và nhà để trả nợ cho bà, nhưng không bán được cho đến khi bà H1 chết.

Khoảng nữa tháng sau thì bán được đất, anh Ph1 trả bà 02 lần tổng cộng số tiền là 100.000.000 đồng, sau đó thì không trả nữa.

Tổng cộng, ông Nguyễn Hữu Ph và bà Lê Thị Thanh H1 còn nợ bà số tiền nợ vay và nợ hụi là 478.000.000 đồng.

Nay bà yêu cầu ông Nguyễn Hữu Ph và Nguyễn Thái Ph1 cùng liên đới trả số tiền nợ hụi và nợ vay là 478.000.000 đồng. Số tiền nợ vay và nợ hụi có làm giấy tờ, có chữ ký của bà H1, ông Ph và anh Ph1, khi giao tiền hụi và vay thì có 03 người ký tên vào giấy vay tiền và giấy hốt hụi.

Bị đơn ông Nguyễn Hữu Ph trình bày như sau: Ông thừa nhận lúc bà Lê Thị Thanh H1 còn sống ông và bà H1 có tham gia chơi hụi do bà H làm chủ và có vay tiền của bà H, ông Ph thừa nhận còn nợ bà H số tiền nợ vay và nợ hụi là 478.000.000 đồng. Lúc nhận tiền hụi và vay tiền có ông, bà H1 và anh Ph1 có ký tên vào giấy hụi và giấy vay tiền. Ông đồng ý trả bà H số tiền nợ hụi và nợ vay là 478.000.000 đồng. Nhưng do hiện nay hoàn cảnh ông khó khăn, ông đề nghị trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Thái Ph1 trình bày: Anh thừa nhận có ký tên vào các giấy hốt hụi và vay tiền lúc bà H1 là mẹ anh còn sống. Anh thừa nhận còn nợ bà H số tiền nợ hụi và nợ vay là 478.000.000 đồng. Anh đồng ý cùng liên đới với ông Nguyễn Hữu Ph trả bà H số tiền nợ hụi và nợ vay là 478.000.000 đồng. Nhưng do hoàn cảnh gia đình khó khăn, nên anh đề nghị trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Tại phiên tòa anh Phương trình bày cũng như anh Phương được ông Phước ủy quyền trình bày: Đối với 02 dây hụi ngày 30/8/2016 âm lịch và 20/3/2017 âm lịch tổng số tiền là 248.000.000 đồng và khoản vay ngày 10/6/2017 âm lịch số tiền là 300.000.000 đồng thì anh Phương và anh Phước thừa nhận và đồng ý trả cho bà Hiệp vì có giấy tờ; đối với khoản vay 30.000.000 đồng của khoản vay ngày 30/10/2016 âm lịch không có giấy tờ nên anh Phương và ông Phước không thừa nhận và không đồng ý trả.

Tại Bản án số 59/2019/DS-ST ngày 29/8/2019 Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre quyết định:

Áp dụng Điều 463, 466, 469, 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 92, 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H đối với ông Nguyễn Hữu Ph và anh Nguyễn Thái Ph1 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và góp hụi".

2. Buộc ông Nguyễn Hữu Ph và anh Nguyễn Thái Ph1 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền nợ vay và nợ hụi là 478.000.000 đồng (Bốn trăm bảy mươi tám triệu đồng), trong đó số tiền nợ vay là 230.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi triệu đồng) và số tiền nợ hụi là 248.000.000 đồng (Hai trăm bốn mươi tám triệu đồng).

Ghi nhận sự tự nguyện của bà H không yêu cầu ông Ph và anh Ph1 trả lãi số tiền trên.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Đình chỉ yêu cầu của bà H đối với anh Nguyễn Hữu Thái và anh Nguyễn Thái Cường cùng liên đới trả số tiền trên.

4. Tiếp tục áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 04/2019/QĐ-BPKCTT ngày 14/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại đến khi bản án của tòa án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 29/8/2019 anh Nguyễn Thái Ph1 kháng cáo xin được trả dần mỗi tháng 10.000.000 đồng. Ngày 11/9/2018 anh Nguyễn Thái Ph1 kháng cáo bổ sung, anh Ph1 không đồng ý trả số tiền 30.000.000 đồng do không có biên nhận và yêu cầu hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời số 04/2019/QĐ-BPKCTT ngày 14/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại.

Tại phiên Toà phúc thẩm phía nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Anh Ph1 không trực tiếp vay tiền mà anh Ph1 chỉ trả nợ thay cho bà H1 nên anh Ph1 chỉ đồng ý trả các khoản vay có biên nhận, đối với số tiền 30.000.000 đồng thì không có biên nhận nên anh Ph1 không đồng ý trả. Thửa đất mà cấp sơ thẩm đang áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời thì anh Ph1 đã sang nhượng cho người khác nên đề nghị HĐXX hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm: Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng theo pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung: đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1, Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; xét kháng cáo của bị đơn và ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét kháng cáo của anh Ph1 đối với số tiền 30.000.000 đồng: Bà H cung cấp các chứng cứ là biên nhận giấy hụi khởi khui vào ngày 20/8/2016 âm lịch số tiền 158.600.000 đồng có chữ ký của và Lê Thị Thanh H1, ông Nguyễn Hữu Ph và anh Nguyễn Thái Ph1; biên nhận ngày 22/3/2017 với số tiền 156.000.000 đồng có chữ ký của bà Lê Thị Thanh H1 và anh Nguyễn Thái Ph1; biên nhận ngày

10/6/2017 với số tiền 300.000.000 đồng có chữ ký của và Lê Thị Thanh H1, ông Nguyễn Hữu Ph và anh Nguyễn Thái Ph1. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Ph1 cho rằng các biên nhận bà H cung cấp không thể hiện khoản vay 30.000.000 đồng. Bà H cho rằng bà có cho bà H1 vay 30.000.000 đồng không làm giấy tờ nhưng trong quá trình thu thập chứng cứ tại cấp sơ thẩm thì ông Ph, anh Ph1 đã đồng ý trả cho bà số tiền 478.000.000 đồng. Tại phiên hòa giải và phiên họp công khai chứng cứ thì ông Ph và anh Ph1 có thừa nhận số tiền còn nợ của bà H là 478.000.000 đồng. Tại bản tự khai ngày 11/7/2019 ông Ph trình bày "ông không bao giờ chối bỏ trách nhiệm nhưng số tiền trên phải có đủ giấy tờ". Theo các tài liệu có trong hồ sơ thì các khoản vay giữa bà H và bà H1 đều có biên nhận và chữ ký của bà H1, ông Ph, anh Ph1. Như vậy, bà H cho rằng khoản vay 30.000.000 đồng thì các bên không làm giấy tờ là không phù hợp với thực tế. Bà H không có chứng cứ gì để chứng minh có cho bà H1 vay số tiền 30.000.000 đồng và phía bị đơn không thừa nhận nên không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của bà H đối với số tiền 30.000.000 đồng. Bản án sơ thẩm căn cứ vào biên bản hòa giải để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ich hợp pháp của bị đơn. Do đó, cấp phúc thẩm chấp nhận nội dung kháng cáo này của anh Ph1, sửa một phần bản án sơ thẩm, không buộc anh Ph1 và ông Ph phải trả cho bà H số tiền 30.000.000 đồng. Như vậy, số tiền mà ông Ph và anh Ph1 phải trả cho bà H là 448.000.000 đồng.

[2] Xét kháng cáo của anh Ph1 xin được trả dần mỗi tháng 10.000.000 đồng, thấy rằng: Việc chậm thanh toán của ông Ph, anh Ph1 làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà H. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H không đồng ý với yêu cầu xin trả dần của anh Ph1 nên kháng cáo của anh Ph1 không có cơ sở để chấp nhận.

[3] Xét kháng cáo của anh Ph1 yêu cầu hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời: Số tiền ông Ph, anh Ph1 phải thanh toán cho bà H là 448.000.000 đồng. Như đã phân tích ở trên, việc chậm thanh toán của ông Ph, anh Ph1 làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà H. Bà H có yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời nhằm đảm bảo cho giai đoạn thi hành án tiếp theo. Anh Ph1 là người có nghĩa vụ thanh toán và thửa đất số 156 tờ bản đồ số 17 tọa lạc tại thị trấn Bình Đại thuộc quyền sử dụng của anh Ph1 nên yêu cầu của bà H là có căn cứ. Bà H là người yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời nên bà H có quyền yêu cầu hủy bỏ quyết định này do đó nội dung kháng cáo này của anh Ph1 không được chấp nhận.

[4] Cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm. Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên anh Ph1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2, Điều 308, Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Chấp nhận một phần kháng cáo của anh Nguyễn Thái Ph1, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 59/2019/DS-ST ngày 29/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại.

Áp dụng Điều 463, 466, 469, 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H đối với ông Nguyễn Hữu Ph và anh Nguyễn Thái Ph1 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và góp hụi".

2. Buộc ông Nguyễn Hữu Ph và anh Nguyễn Thái Ph1 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền nợ vay và nợ hụi là 448.000.000 đồng (Bốn trăm bốn mươi tám triệu đồng), trong đó số tiền nợ vay là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) và số tiền nợ hụi là 248.000.000 đồng (Hai trăm bốn mươi tám triệu đồng).

Ghi nhận sự tự nguyện của bà H không yêu cầu ông Ph và anh Ph1 trả lãi số tiền trên.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Đình chỉ yêu cầu của bà Nguyễn Thị H đối với anh Nguyễn Hữu Thái và anh Nguyễn Thái Cường cùng liên đới trả số tiền trên.

4. Tiếp tục áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 04/2019/QĐ-BPKCTT ngày 14/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại.

5. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Ông Nguyễn Hữu Ph là người cao tuổi nên được miễn nộp toàn bộ án phí.

Anh Nguyễn Thái Ph1 phải chịu 5.480.000 đồng (Năm triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng).

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Anh Nguyễn Thái Ph1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho anh Nguyễn Thái Ph1 số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005937 ngày 10/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Đại.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND tỉnh Bến Tre;*
- *TAND huyện Bình Đại;*
- *Chi cục THADS huyện Bình Đại;*
- *Phòng GĐKT;*
- *Lưu.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Ngọc Dũng

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Các thẩm phán **Thẩm phán - chủ toạ phiên toà**

Nguyễn Thị Ngọc Hương **Phạm Kim Của** **Huỳnh Ngọc Dũng**